|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **NGỮ VĂN 7 - TUẦN 9****PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC****TIẾT 34:** **TỪ ĐỒNG NGHĨA, TỪ TRÁI NGHĨA****TỪ ĐỒNG ÂM**  1. **Em đọc và thực hiện yêu cầu**  |  |  | | --- | --- | | **NỘI DUNG** | **CHÚ THÍCH** | | **TỪ ĐỒNG NGHĨA** **III. Sử dụng từ đồng nghĩa**  - **Từ ví dụ 1 a,b ; 2 a,b cho HS thay các từ đồng nghĩa với nhau và rút ra nhận xét ?**  + Trái – Quả  + Hi sinh – Bỏ mạng  + Trái – Quả : Thay thế cho nhau được  + Hi sinh – Bỏ mạng : Không thể thay thế cho nhau được vì sắc thái biểu cảm khác nhau.  **🡺Từ đồng nghĩa hoàn toàn có thể thay thế cho nhau được , từ đồng nghĩa không hoàn toàn không thể thay thế cho nhau được.**  **🡺 kết luận : Điều này chứng tỏ có trường hợp từ đồng nghĩa có thể thay thế cho nhau nhưng cũng có trường hợp từ đồng nghĩa không thể thay thế cho nhau.**  **Câu hỏi thảo luận:**  - Ở bài 7, tại sao đoạn trích trong **Chinh phụ** **ngâm khúc** lấy tiêu đề là **Sau phút chia li** mà không phải là **Sau phút chia tay** ?  **Định hướng:**  - Chia li và chia tay đều có nghĩa : Rời nhau, mỗi người đi một nơi .  + **Chia tay**: Mang sắc thái bình thường. (Có thể còn gặp lại)  + **Chia li** :Vừa mang sắc thái cổ xưa vừa diễn tả được cảnh ngộ bi sầu của người chinh phụ. (Khó có thể gặp lại)  🡺 **Sau phút chia li** hay hơn **Sau phút chia tay**.  🡺 **GV kết luận** : Khi có hai hoặc nhiều từ đồng nghĩa có thể thay thế cho nhau nhưng cân nhắc kĩ vẫn có thể chọn trong số đó một từ diễn đạt hay nhất.  - Cho HS đọc ghi nhớ 3 SGK / 115  **IV.Luyện tập**  **Bài 1. Tìm từ Hán Việt đồng nghĩa với các từ sau :**  **- gan dạ- dung cảm; nhà thơ- thi sĩ ; mổ xẻ- phẫu thuật ; của cải- tài sản ; nước ngoài- ngoại quốc**  **- chó biển- hải cẩu ; đòi hỏi- yêu cầu ; năm học- niên khóa ; loài người- nhân loại ; thay mặt- đai diện**  **Bài 2. Tìm từ có gốc Ấn-Âu đồng nghĩa với các từ sau :**  **Máy thu thanh : ra-đi-ô; sinh tố : vi-ta-min ;**  **Bài 3. Tìm các từ địa phương đồng nghĩa với từ toàn dân**  **- heo- lợn ; nón- mũ ; chén- bát ; trái- quả….** **TỪ TRÁI NGHĨA** **III. Luyện tập**  **Bài 1. Tìm những từ trái nghĩa trong các câu ca dao, tục ngữ**  Gợi ý:  - Các cặp từ trái nghĩa.  - Lành <—> rách, giàu <—> nghèo, ngắn <—> dài, sáng <—> tối.  **Bài 2. Tìm các từ trái nghĩa với các từ in đậm trong các cụm từ sau:**  Gợi ý:  Cá tươi – cá ươn.  Hoa tươi – hoa héo  Ăn yếu – ăn khỏe.  Học lực yếu – học lực khá.  Chữ xấu – chữ đẹp.  Đất xấu – đất tốt.  Bài 3. Điền các từ trái nghĩa thích hợp vào các thành ngữ sau:  Gợi ý:  Chân cứng đá ***mềm***.  Có đi có ***lại***.  Gần nhà ***xa*** ngõ.  Mắt nhắm mắt ***mở***.  Chạy sắp chạy ***ngữa***.  Vô thưởng vô *phạt* .  Bên ***trọng*** bên khinh.  Buổi ***đực*** buổi cái.  Bước thấp bước ***cao***.  Chân ướt chân ***ráo***. **TỪ ĐỒNG ÂM** **III. Luyện tập**  Bài 2. a. Tìm các nghĩa khác nhau của danh từ cổ và giải thích mối liên uan giữa các nghĩa đó.  Gợi ý:  - Bộ phận trong cơ thể nố đầu với thân.  - Bộ phận của ao, phần chung quanh cổ.  - Bộ phận của đồ vật dài hinh thon giống cái cổ.  - Cổ chân, cổ tay  b.Ttừ đồng âm với danh từ cổ  cổ (cũ kỹ): cổ vật, cổ tích, cổ xưa. Tìm từ đồng âm với danh từ cổ  - Cổ: + Bộ phận trong cơ thể nối đầu với thân;  + Bộ phận của áo, phần chung quanh cổ;  + Bộ phận của đồ vật hình dài và thon giống cái cổ;  + Cổ chân, cổ tay.  Nghĩa đầu là nghĩa gốc, làm cơ sở cho sự chuyển thành các nghĩa sau. Các nghĩa khác nhau đều có liên hệ với nhau qua nghĩa gốc này.  - Đồng âm với danh từ cổ:  + Bà nội rất thích xem chèo cổ. (cổ: xưa, cũ, lâu đời)  + Phong, lao, cổ, lại, tứ chứng nan y. (cổ: một căn bệnh ngày xưa cho là khó chữa)  **Bài 3. Đặt câu sao cho ở mỗi câu phải có cả hai từ đồng âm cho sẵn sau đây: bàn (danh từ) - bàn (động từ); sâu (danh từ) - sâu (tính từ); năm (danh từ) - danh (số từ).**  **Gợi ý:**  - bàn: Mọi người ngồi vào bàn để bàn bạc.  - sâu: Con sâu nằm sâu trong kén.  - năm: Năm nay em gái tôi lên năm tuổi. | **\* Các em đọc và thực hiện yêu cầu**  **\* Ghi nhớ SGK/115**  **\* Các em đọc và làm các bài tập trong SGK/115**  **\* Các em đọc và làm các bài tập trong SGK/129**  **\* Các em đọc và làm các bài tập trong SGK/129** |  1. **Kiểm tra quá trình tự học.**   **HƯỚNG DẪN EM GHI BÀI** **TIẾT 34: TỪ ĐỒNG NGHĨA, TỪ TRÁI NGHĨA****TỪ ĐỒNG ÂM**  |  | | --- | | **III. Sử dụng từ đồng nghĩa**  **IV.Luyện tập**  Bài 1. Tìm từ Hán Việt đồng nghĩa với các từ sau  Bài 2. Tìm các từ trái nghĩa với các từ in đậm trong các cụm từ sau  Bài 3. Điền các từ trái nghĩa thích hợp vào các thành ngữ sau: **TỪ TRÁI NGHĨA** **III. Luyện tập**  Bài 1. Tìm những từ trái nghĩa trong các câu ca dao, tục ngữ  Bài 2. Tìm các từ trái nghĩa với các từ in đậm trong các cụm từ sau:  Bài 3. Điền các từ trái nghĩa thích hợp vào các thành ngữ sau: **TỪ ĐỒNG ÂM** **III. Luyện tập**  Bài 2. a. Tìm các nghĩa khác nhau của danh từ cổ và giải thích mối liên uan giữa các nghĩa đó.  b.Ttừ đồng âm với danh từ cổ  Bài 3. Đặt câu sao cho ở mỗi câu phải có cả hai từ đồng âm cho sẵn sau đây: bàn (danh từ) - bàn (động từ); sâu (danh từ) - sâu (tính từ); năm (danh từ) - danh (số từ). |   **NGỮ VĂN 7- TUẦN 9**  **PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**  **Tiết 35: ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ**   1. **Em đọc và thực hiện yêu cầu**  |  |  | | --- | --- | | NỘI DUNG | **CHÚ THÍCH** | | **I/PHẦN 1: Đọc hiểu**  Đọc kĩ văn bản sau và trả lời các câu hỏi phía dưới:  Bây giờ em đã lớn, em đã hiểu thế nào là sự nhọc nhằn của mẹ. Nhìn những cơn mưa cùng cái rét căm căm, bóng dáng của mẹ lại hiện về trong kí ức của em, với dáng người liêu xiêu, với gương mặt bao lo lắng đang lầm lũi trong cơn mưa. Mẹ ơi ! Con có lỗi với mẹ biết bao !  ( Nguồn internet)  1. Hãy nêu nội dung của đoạn văn trên. ( 1đ )  2. Hãy tìm 2 từ láy và phân loại hai từ láy đó. (1đ)  3. Là một người con em sẽ làm gì để xứng đáng với tình cảm của cha mẹ dành cho mình?( Nêu 2 hành động việc làm) (1đ)  **II/PHẦN 2: Đoạn văn**  Viết đoạn văn ngắn (khoảng 5 đến 7 câu) nêu cảm nghĩ của em về gia đình  **III. PHẦN 3: Tạo lập văn bản**  Hãy viết bài văn biểu cảm về một người mà em yêu quý nhất.  **Gợi ý:**  **I/PHẦN 1: Đọc hiểu**  1. Nội dung của đoạn văn trên là: Tình yêu và lòng biết ơn của con đối với mẹ. Con hiểu được nỗi vất vả của mẹ cùng sự ăn năn hối hận của con.  2. Hai từ láy: nhọc nhằn, lieu xiêu  - Thuộc từ láy bộ phận  3. Là một người con em sẽ làm để xứng đáng với tình cảm của cha mẹ dành cho mình là:  Em sẽ biết yêu thương, kính trọng cha mẹ. Biết giúp đỡ mẹ những công việc nhà. Biết vâng lời mẹ, học thật giỏi để mẹ tự hào về em.  **II/PHẦN 2: Đoạn văn**  - Viết đúng hình thức đoạn  - Đúng chủ đề yêu cầu  - Đảm bảo số câu  - Có mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn  \* Mở đoạn:  - Giới thiệu về gia đình  - Tình cảm của em với gia đình  \* Thân đoạn:  - Trình bày những suy nghĩ, cảm xúc mà gia đình mang lại cho em ( là nơi em sinh ra, có người thân yêu, nơi em được yêu thương, bao bọc, chở che. Nơi nâng đỡ em lúc vấp ngã, cho em sự an ủi động viên…)  - Tình cảm của em dành cho gia đình: Trân trọng, thương yêu…  \* Kết đoạn:  -Suy nghĩ cảm xúc về gia đình  - Lời hứa  **III. PHẦN 3: Tạo lập văn bản**  **Hãy viết bài văn biểu cảm về một người mà em yêu quý nhất.**  **a. Mở bài (0,5)**  - Giới thiệu người thân mà em yêu quý ( là ai?...)  - Tình cảm của em với người đó  **b. Thân bài ( 3đ)**  **1. Biểu cảm về những đặc điểm nổi bật của đối tượng**  - Giới thiệu tên, tuổi?  - Nghề nghiệp?  - Hình dáng, nước da, đôi mắt, mái tóc, đôi bàn tay…  **2. Biểu cảm về những hành động, việc làm của đối tượng với gia đình** ( làm gì để chăm sóc em và gia đình)  **3. Biểu cảm về kỉ niệm giữa em và đối tượng** ( đó là kỉ niệm gì? Tâm trạng, cảm **xúc của em?...)**  **c. kết bài ( 0,5đ)**  - Suy nghĩ, cảm xúc về đối tượng  - Lời hứa, ước mong của em | Các em đọc kĩ yêu đoạn ngữ liệu    Cái đòn gánh, hình ảnh quen thuộc của người cần lao |  1. **Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học**   **HƯỚNG DẪN EM GHI BÀI**  **Tiết 35: ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ**  **( Em hoàn thiện nội dung bài học theo hướng dẫn trên phần I)**  **I/PHẦN 1: Đọc hiểu**  **II/PHẦN 2: Đoạn văn**  **III. PHẦN 3: Tạo lập văn bản**  **Hãy viết bài văn biểu cảm về một người mà em yêu quý nhất.** |